

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 36
Phụ lục 1: Các khoản đầu tư tài chính	37-38
Phụ lục 2: Thuyết minh Vốn chủ sở hữu	39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0200119411, cấp lần đầu ngày 12/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12 Tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 40.040.000.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn mươi tỉ không trăm bốn mươi triệu đồng); tương đương 4.004.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty CP tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	123 Tôn Thất Thuyết, P15, Quận 4, TP. HCM	Dịch vụ tư vấn xây dựng
Chi nhánh Công ty CP tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	25 Võ Thị Sáu - Quận Ngô Quyền – TP. Hải Phòng	Dịch vụ tư vấn xây dựng

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số V.02.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tiến Linh	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Quảng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Ủy viên
Ông Trần Hải Thanh	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Trung Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 16/01/2017

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Thị Như Ý	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Dũng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Trung Kiên



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số 128/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Chi Thành
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0647-2018-133-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Kiểm toán viên

Trần Thị Hạnh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0726-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.891.020.403	233.358.196.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	15.988.519.381	9.005.946.606
1. Tiền	111		15.988.519.381	9.005.946.606
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		153.045.000.000	176.041.593.477
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	153.045.000.000	176.041.593.477
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.832.424.058	21.950.968.156
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	16.425.172.721	17.250.112.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.948.357.642	502.565.620
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu khác	136	V.05	13.335.645.534	15.045.302.679
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(11.876.751.839)	(10.847.012.868)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	32.149.403.411	26.094.929.746
1. Hàng tồn kho	141		32.149.403.411	26.094.929.746
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		875.673.553	264.758.039
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		875.673.553	264.758.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.668.406.000	37.571.296.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.745.503.769	5.200.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	22.745.503.769	5.200.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		25.033.228.916	24.293.814.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	24.856.382.583	24.041.122.104
- Nguyên giá	222		35.208.986.856	33.277.818.830
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(10.352.604.273)	(9.236.696.726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	176.846.333	252.692.333
- Nguyên giá	228		708.060.397	708.060.397
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(531.214.064)	(455.368.064)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.910.329.941	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.910.329.941	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.622.115.000	7.622.115.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	225.000.000	225.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	5.897.115.000	7.397.115.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.500.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		357.228.374	455.367.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	357.228.374	455.367.229
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.559.426.403	270.929.492.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		214.820.625.114	201.311.119.892
I. Nợ ngắn hạn	310		214.658.677.114	201.149.171.892
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	466.742.185	1.141.456.275
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	179.929.631.362	170.534.461.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.869.298.872	2.834.472.693
4. Phải trả người lao động	314		22.764.108.125	18.735.580.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.692.462.529	3.858.336.987
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.049.635.654	912.513.189
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.886.798.387	3.132.350.964
II. Nợ dài hạn	330		161.948.000	161.948.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	161.948.000	161.948.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.738.801.289	69.618.372.798
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	71.738.801.289	69.618.372.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.040.000.000	40.040.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411B		40.040.000.000	40.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.738.800.966	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.960.000.323	29.578.372.798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.960.000.323	29.578.372.798
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.559.426.403	270.929.492.690

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ().

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Dương Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Trần Hải Thanh

Tổng Giám đốc



Phạm Trung Kiên

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	96.177.645.019	81.307.390.513
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		96.177.645.019	81.307.390.513
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59.091.134.148	48.253.290.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.086.510.871	33.054.099.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.053.957.355	14.824.627.719
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.800.264	26.256.128
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	29.785.050.821	27.907.702.994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		22.335.617.141	19.944.768.445
11. Thu nhập khác	31	VI.6	134.664.423	25.953.528.778
12. Chi phí khác	32	VI.7	362.961.493	3.092.150.694
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(228.297.070)	22.861.378.084
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.107.320.071	42.806.146.529
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.147.319.748	8.459.144.115
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.960.000.323	34.347.002.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.691	9.863
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Dương Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Trần Hải Thanh

Tổng Giám đốc



Phạm Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01	121.951.227.195	101.611.089.437
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.585.997.522)	(22.739.883.584)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(54.432.932.157)	(55.331.063.150)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.074.267.466)	(8.502.811.043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	27.510.935.384	18.661.148.277
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.184.662.356)	(43.399.231.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.184.303.078	(9.700.751.444)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(2.647.955.753)	(43.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22	130.000.000	24.450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	(304.362.000.000)	(322.567.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	301.353.000.000	287.594.375.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	750.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	13.762.385.195	10.740.044.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.735.429.442	924.419.798
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.936.322.747)	(2.757.627.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.936.322.747)	(2.757.627.569)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.983.409.773	(11.533.959.215)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.005.946.606	20.540.299.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	(836.998)	(393.323)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.988.519.381	9.005.946.606

Người lập biểu



Dương Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Trần Hải Thanh

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Trung Kiên